



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Quản trị học - MH1104295

Mã lớp học phần: 24211MH110429501

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Hoa

Ngày thi: 27/03/2025

Giờ thi: 07h45

Phòng thi: PM 2

Giám thị 1: Cao Thế Oanh

Giám thị 2: Trần Văn Long

Giám thị 3: _____

Giám thị 4: _____

Ký tên:

Ký tên:

Ký tên: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410150008	Nguyễn Ngọc Thu An	09/10/2005					C26LG1	
2	2410150015	Nguyễn Nhật An	18/10/2006					C26LG1	
3	2410100001	Nguyễn Đỗ Tuấn Anh	03/8/2003					C26QT1	
4	2410100015	Triệu Thị Huỳnh Anh	13/8/2006					C26QT1	
5	2410100018	Trần Ngọc Ánh	16/07/2006					C26QT1	
6	2410150026	Hoàng Lâm Quốc Bảo	14/05/2006					C26LG1	
7	2410150016	Lê Trần Gia Bảo	14/08/2006					C26LG1	
8	2410100046	Võ Hoàng Bảo	29/11/2006					C26QT2	
9	2410100021	Nguyễn Thị Kim Cương	09/04/2006					C26QT1	
10	2410150014	Nguyễn Ngọc Diệu	22/10/2006					C26LG1	
11	2410100042	Trần Thị Mỹ Diệu	07/01/2006					C26QT2	
12	2410010001	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	20/10/2004					C26LG1	
13	2410100026	Lê Thanh Dương	22/12/2006					C26QT1	
14	2410100035	Nguyễn Thị Thùy Dương	16/02/2006					C26QT2	
15	2410150004	Nguyễn Đạt	29/7/2006					C26LG1	
16	2410100004	Tạ Duy Đăng	16/10/2006					C26QT1	
17	2410150052	Lê Minh Đức	21/11/2006					C26QT2	
18	2410100045	Trần Thị Hồng Gấm	01/01/2006					C26QT2	
19	2410150028	Lê Trần Hoàng Gia	09/01/2005					C26LG1	
20	2410100019	Nguyễn Thị Thúy Hằng	28/02/2006					C26QT1	
21	2410150022	Trần Gia Hân	26/08/2006					C26LG1	
22	2410100029	Lê Chí Hậu	05/11/2006					C26QT1	
23	2410100017	Nguyễn Đức Hậu	31/01/2006					C26QT1	
24	2410100036	Đặng Trung Hiếu	22/12/2006					C26QT2	
25	2410100025	Nguyễn Quốc Huy	10/06/2006					C26QT1	
26	2410100041	Tạ Nhật Huy	11/12/2005					C26QT2	
27	2410100031	Nguyễn Bùi Tiểu Huyền	11/12/2006					C26QT1	
28	2410100012	Võ Thị Ngọc Huyền	11/12/2006					C26QT1	
29	2410100038	Chung Lê Quốc Hy	24/01/2006					C26QT2	
30	2410150030	Nguyễn Thanh Khiêm	14/10/2006					C26LG1	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
31	2410150021	Lê Bá Đăng Khoa	18/12/2006					C26LG1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 30 vắng thi: 01. Số bài thi/Số tờ: 30 / 30.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____%

Ngày... tháng... năm... 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa.

Ngày... tháng... năm... 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa.

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ: 2 - Năm học 2024-2025

Môn học: Quản trị học

Mã bài thi: 2DTQU4

Thời gian thi: 27/03/2025 07:45:00

Thời gian kết thúc: 27/03/2025 08:45:00

Giám thị 1: C.T. Quynh

Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: G.V. Long

Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410150008	Nguyễn Ngọc Thu An	09/10/2005	<u>[Signature]</u>	4.2	Bốn, hai	C26LG1	
2	2410150015	Nguyễn Nhật An	18/10/2006	<u>[Signature]</u>	5.8	Năm, tám	C26LG1	
3	2410100001	Nguyễn Đỗ Tuấn Anh	03/08/2003	<u>[Signature]</u>	4.2	Bốn, hai	C26QT1	
4	2410100015	Triệu Thị Huỳnh Anh	13/08/2006	<u>[Signature]</u>	5	Năm	C26QT1	
5	2410100018	Trần Ngọc Ánh	16/07/2006	<u>[Signature]</u>	6.2	Sáu, hai	C26QT1	
6	2410100046	Võ Hoàng Bảo	29/11/2006	<u>[Signature]</u>	3.8	Ba, tám	C26QT2	
7	2410150016	Lê Trần Gia Bảo	14/08/2006	<u>[Signature]</u>	5	Năm	C26LG1	
8	2410150026	Hoàng Lâm Quốc Bảo	14/05/2006	<u>[Signature]</u>	5.2	Năm, hai	C26LG1	
9	2410100021	Nguyễn Thị Kim Cương	09/04/2006	<u>[Signature]</u>	4.8	Bốn, tám	C26QT1	
10	2410100004	Tạ Duy Đăng	16/10/2006	<u>[Signature]</u>	5.8	Năm, tám	C26QT1	
11	2410150004	Nguyễn Đạt	29/07/2006	<u>[Signature]</u>	6.2	Sáu, hai	C26LG1	
12	2410100042	Trần Thị Mỹ Diệu	07/01/2006	<u>[Signature]</u>	5.4	Năm, bốn	C26QT2	
13	2410150014	Nguyễn Ngọc Diệu	22/10/2006	<u>[Signature]</u>	4.4	Bốn, bốn	C26LG1	
14	2410150052	Lê Minh Đức	21/11/2006	<u>[Signature]</u>	5.8	Năm, tám	C26QT2	
15	2410100026	Lê Thanh Dương	22/12/2006	<u>[Signature]</u>	5	Năm	C26QT1	
16	2410100035	Nguyễn Thị Thủy Dương	16/02/2006	<u>[Signature]</u>	5.2	Năm, hai	C26QT2	
17	2410010001	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	20/10/2004	<u>[Signature]</u>	7	Bảy	C26LG1	
18	2410100045	Trần Thị Hồng Gấm	01/01/2006	<u>[Signature]</u>	5.2	Năm, hai	C26QT2	
19	2410150028	Lê Trần Hoàng Gia	09/01/2005	<u>[Signature]</u>	5.8	Năm, tám	C26LG1	
20	2410150022	Trần Gia Hân	26/08/2006	<u>[Signature]</u>	4.2	Bốn, hai	C26LG1	
21	2410100019	Nguyễn Thị Thúy Hằng	28/02/2006	<u>[Signature]</u>	7	Bảy	C26QT1	
22	2410100017	Nguyễn Đức Hậu	31/01/2006	<u>[Signature]</u>	6	Sáu	C26QT1	
23	2410100029	Lê Chí Hậu	05/11/2006	<u>[Signature]</u>	3.8	Ba, tám	C26QT1	
24	2410100036	Đặng Trung Hiếu	22/12/2006	<u>[Signature]</u>	6	Sáu	C26QT2	
25	2410100041	Tạ Nhật Huy	11/12/2005	<u>[Signature]</u>	4.6	Bốn, sáu	C26QT2	
26	2410100025	Nguyễn Quốc Huy	10/06/2006	<u>[Signature]</u>	8.4	Tám, bốn	C26QT1	
27	2410100031	Nguyễn Bùi Tiểu Huyền	11/12/2006	<u>[Signature]</u>	4.2	Bốn, hai	C26QT1	
28	2410100012	Võ Thị Ngọc Huyền	11/12/2006	<u>[Signature]</u>	6	Sáu	C26QT1	
29	2410150030	Nguyễn Thanh Khiêm	14/10/2006	<u>[Signature]</u>	7.2	Bảy, hai	C26LG1	
30	2410150021	Lê Bá Đăng Khoa	18/12/2006	<u>[Signature]</u>	8.2	Tám, hai	C26LG1	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 30

Số sinh viên đạt: 28

Ngày 3 tháng 4 năm 2025
P. TRƯỞNG KHOA/PHÒNG
(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Trần Phú Hòa

Ngày 2 tháng 4 năm 2025
GIẢNG VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Trần Phú Hòa



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Quản trị học - MH1104295

Mã lớp học phần: 24211MH110429501

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Hoa

Ngày thi: 27/03/2025

Giờ thi: 07h45

Phòng thi: PM 3

Giám thị 1: Đào Thị Hồng Hạnh

Ký tên:

Giám thị 2: Lương Nguyễn Hoài Linh

Ký tên:

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410150023	Phạm Anh	Khôi	23/10/2006				C26LG1	
2	2410100039	Nguyễn Hoàng	Kim	29/05/2006				C26QT2	
3	2410150013	Võ Thị Kiều	Lam	20/11/2006				C26LG1	
4	2410100003	Võ Nguyễn Ngọc	Linh	07/09/2005				C26QT1	
5	2410100022	Kim Thị Thúy	Ngân	18/05/2006				C26QT1	
6	2410100028	Nguyễn Thị Kim	Ngân	25/01/2006				C26QT1	
7	2410100032	Lý Minh	Nguyên	04/06/2006				C26QT1	
8	2410100020	Phạm Thị Ái	Nhi	03/08/2006				C26QT1	
9	2410150011	Phạm Thị Yên	Nhi	22/09/2006				C26LG1	
10	2410100024	Phạm Kiều	Nhung	06/09/2006				C26QT1	
11	2410150020	Lê Hữu	Nhật	19/10/2005				C26LG1	
12	2410100048	Trần Thị Hà	Ny	13/12/2006				C26QT2	
13	2410100030	Trần Viết	Phú	03/12/2004		✓	✓	C26QT1	
14	2410100033	Nguyễn Thị Hồng	Phúc	21/03/2006				C26QT2	
15	2410100040	Nguyễn Thị Ngọc	Phượng	20/04/2006				C26QT2	
16	2410150024	Nguyễn Minh	Tấn	02/05/2006				C26LG1	
17	2410150018	Nguyễn Ngọc	Thảo	27/10/2006				C26LG1	
18	2410150009	Phạm Thị Thạch	Thảo	31/10/2006				C26LG1	
19	2410100008	Nguyễn Trần Ngọc	Thi	23/06/2002				C26QT1	
20	2410100044	Nguyễn Thị Minh	Thơ	18/05/2006				C26QT2	
21	2410100016	Lê Thị Ngọc	Thu	23/03/2006				C26QT1	
22	2410010013	Ngô Thiên	Thuận	10/11/2006				C26LG1	
23	2410150002	Lê Anh	Thư	19/01/2003				C26LG1	
24	2410100049	Lê Phước	Trung	17/10/2002				C26QT2	
25	2410150029	Trần Thị Thanh	Trúc	22/07/2005				C26LG1	
26	2410150010	Nguyễn Đăng	Trường	12/10/2003				C26LG1	
27	2410100002	Phạm Trung	Trực	04/07/2004				C26QT1	
28	2410150025	Ông Thị Mỹ	Tú	25/10/2006				C26LG1	
29	2410150006	Nguyễn Hồ Phương	Uyên	23/04/2006				C26LG1	
30	2410150017	Phạm Ngọc Đan	Vy	23/08/2006				C26LG1	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
31	2410100010	Trần Thanh Trúc Xuân	11/10/2002					C26QT1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 30 vắng thi: 1. Số bài thi/Số tờ: 30 / 1.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____%

Ngày. 3. tháng 4. năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Phú Hòa.

Ngày. 2 tháng 4. năm 2025.

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Phú Hòa.

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ: 2 - Năm học 2024-2025

Môn học: Quản trị học

Mã bài thi: JIB92B

Thời gian thi: 27/03/2025 07:45:00

Thời gian kết thúc: 27/03/2025 08:45:00

Giám thị 1: Đào Thị Yến Ký tên: [Signature]
Giám thị 2: Lưu Thị Hoài Linh Ký tên: [Signature]
Giám thị 3: _____ Ký tên: _____
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410150023	Phạm Anh Khôi	23/10/2006	<u>khôi</u>	3	Ba	C26LG1	
2	2410100039	Nguyễn Hoàng Kim	29/05/2006	<u>Kim</u>	4.2	Bốn, hai	C26QT2	
3	2410150013	Võ Thị Kiều Lam	20/11/2006	<u>Lam</u>	7.4	Bảy, bốn	C26LG1	
4	2410100003	Võ Nguyễn Ngọc Linh	07/09/2005	<u>Linh</u>	6.4	Sáu, bốn	C26QT1	
5	2410100022	Kim Thị Thúy Ngân	18/05/2006	<u>Ngân</u>	4.6	Bốn, sáu	C26QT1	
6	2410100028	Nguyễn Thị Kim Ngân	25/01/2006	<u>Ngân</u>	6.8	Sáu, tám	C26QT1	
7	2410100032	Lý Minh Nguyên	04/06/2006	<u>Nguyên</u>	5.8	Năm, tám	C26QT1	
8	2410100020	Phạm Thị Ái Nhi	03/08/2006	<u>Nhi</u>	6.4	Sáu, bốn	C26QT1	
9	2410150011	Phạm Thị Yến Nhi	22/09/2006	<u>Nhi</u>	4	Bốn	C26LG1	
10	2410100024	Phạm Kiều Nhung	06/09/2006	<u>Nhung</u>	5.2	Năm, hai	C26QT1	
11	2410150020	Lê Hữu Nhật	19/10/2005	<u>Phước</u>	5.2	Năm, hai	C26LG1	
12	2410100048	Trần Thị Hà Ny	13/12/2006	<u>Ny</u>	4.8	Bốn, tám	C26QT2	
13	2410100033	Nguyễn Thị Hồng Phúc	21/03/2006	<u>Phúc</u>	6.2	Sáu, hai	C26QT2	
14	2410100040	Nguyễn Thị Ngọc Phượng	20/04/2006	<u>Phượng</u>	5	Năm	C26QT2	
15	2410150024	Nguyễn Minh Tân	02/05/2006	<u>Tân</u>	5.6	Năm, sáu	C26LG1	
16	2410150018	Nguyễn Ngọc Thảo	27/10/2006	<u>Thảo</u>	3.8	Ba, tám	C26LG1	
17	2410150009	Phạm Thị Thạch Thảo	31/10/2006	<u>Thảo</u>	5.6	Năm, sáu	C26LG1	
18	2410100008	Nguyễn Trần Ngọc Thi	23/06/2002	<u>Thi</u>	3.6	Ba, sáu	C26QT1	
19	2410100044	Nguyễn Thị Minh Thơ	18/05/2006	<u>Thơ</u>	5.6	Năm, sáu	C26QT2	
20	2410100016	Lê Thị Ngọc Thu	23/03/2006	<u>Thu</u>	4.8	Bốn, tám	C26QT1	
21	2410150002	Lê Anh Thư	19/01/2003	<u>Thư</u>	7	Bảy	C26LG1	
22	2410010013	Ngô Thiên Thuận	10/11/2006	<u>Thuận</u>	6.2	Sáu, hai	C26LG1	
23	2410150029	Trần Thị Thanh Trúc	22/07/2005	<u>Trúc</u>	6.6	Sáu, sáu	C26LG1	
24	2410100002	Phạm Trung Trực	04/07/2004	<u>Trực</u>	6	Sáu	C26QT1	
25	2410100049	Lê Phước Trung	17/10/2002	<u>Trung</u>	5.8	Năm, tám	C26QT2	
26	2410150010	Nguyễn Đăng Trường	12/10/2003	<u>Trường</u>	6.4	Sáu, bốn	C26LG1	
27	2410150025	Ông Thị Mỹ Tú	25/10/2006	<u>Tú</u>	5	Năm	C26LG1	
28	2410150006	Nguyễn Hồ Phương Uyên	23/04/2006	<u>Uyên</u>	4.4	Bốn, bốn	C26LG1	
29	2410150017	Phạm Ngọc Đan Vy	23/08/2006	<u>Vy</u>	6.2	Sáu, hai	C26LG1	
30	2410100010	Trần Thanh Trúc Xuân	11/10/2002	<u>Xuân</u>	6.2	Sáu, hai	C26QT1	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 30

Số sinh viên đạt: 27

Ngày 3 tháng 4 năm 2025
P. TRƯỞNG KHOA/PHÒNG
(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Trần Phú Hòa.

Ngày 2 tháng 4 năm 2025
GIẢNG VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Trần Phú Hòa.

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Quản trị học - MH1104295

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 24211MH110429501 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Hoa - (04014)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: A1.8.

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150008	Nguyễn Ngọc Thu An	09/10/2005	C26LG1		7,3	Bảy, ba	
2	2410150015	Nguyễn Nhật An	18/10/2006	C26LG1		9,3	Chín, ba	
3	2410150026	Hoàng Lâm Quốc Bảo	14/05/2006	C26LG1		8,3	Tám, ba	
4	2410150016	Lê Trần Gia Bảo	14/08/2006	C26LG1		8,5	Tám, năm	
5	2410150014	Nguyễn Ngọc Diệu	22/10/2006	C26LG1		7,8	Bảy, tám	
6	2410010001	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	20/10/2004	C26LG1		9,5	Chín, năm	
7	2410150004	Nguyễn Đạt	29/7/2006	C26LG1		7,6	Bảy, sáu	
8	2410150028	Lê Trần Hoàng Gia	09/01/2005	C26LG1		7,6	Bảy, sáu	
9	2410150022	Trần Gia Hân	26/08/2006	C26LG1		7,6	Bảy, sáu	
10	2410150021	Lê Bá Đăng Khoa	18/12/2006	C26LG1		8,3	Tám, ba	
11	2410150023	Phạm Anh Khôi	23/10/2006	C26LG1		7,5	Bảy, năm	
12	2410150013	Võ Thị Kiều Lam	20/11/2006	C26LG1		8,2	Tám, hai	
13	2410150011	Phạm Thị Yến Nhi	22/09/2006	C26LG1		7,8	Bảy, tám	
14	2410150020	Lê Hữu Nhựt	19/10/2005	C26LG1		7,6	Bảy, sáu	
15	2410150024	Nguyễn Minh Tấn	02/05/2006	C26LG1		9,5	Chín, năm	
16	2410150018	Nguyễn Ngọc Thảo	27/10/2006	C26LG1		7,3	Bảy, ba	
17	2410150009	Phạm Thị Thạch Thảo	31/10/2006	C26LG1		9,2	Chín, hai	
18	2410010013	Ngô Thiên Thuận	10/11/2006	C26LG1		7,6	Bảy, sáu	
19	2410150002	Lê Anh Thư	19/01/2003	C26LG1		8,8	Tám, tám	
20	2410150029	Trần Thị Thanh Trúc	22/07/2005	C26LG1		8,5	Tám, năm	
21	2410150010	Nguyễn Đăng Trường	12/10/2003	C26LG1		7,0	Bảy	
22	2410150025	Ông Thị Mỹ Tú	25/10/2006	C26LG1		8,2	Tám, hai	
23	2410150006	Nguyễn Hồ Phương Uyên	23/04/2006	C26LG1		7,0	Bảy	
24	2410150017	Phạm Ngọc Đan Vy	23/08/2006	C26LG1		7,3	Bảy, ba	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 24 vắng thi: 0. Số bài thi: 24 / 24.

Ngày: 7 tháng 1 năm 2023

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trương Thị Hòa

Ngày: 06 tháng 01 năm 2023

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Trương Thị Hòa

TN
1/2



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Quản trị học - MH1104295

Mã lớp học phần: 24211MH110429501 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Hoa - (04014)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: A1-8

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150008	Nguyễn Ngọc Thu	An	09/10/2005	C26LG1		7,7	Bay, bay	
2	2410150015	Nguyễn Nhật	An	18/10/2006	C26LG1		7,3	Bay, ba	
3	2410150026	Hoàng Lâm Quốc	Bảo	14/05/2006	C26LG1		7,7	Bay, bay	
4	2410150016	Lê Trần Gia	Bảo	14/08/2006	C26LG1		6,0	Sau	
5	2410150014	Nguyễn Ngọc	Diệu	22/10/2006	C26LG1		7,7	Bay, bay	
6	2410010001	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	20/10/2004	C26LG1		6,7	Sau, bay	
7	2410150004	Nguyễn	Đạt	29/7/2006	C26LG1		5,7	Nam, bay	
8	2410150028	Lê Trần Hoàng	Gia	09/01/2005	C26LG1		7,7	Bay, bay	
9	2410150022	Trần Gia	Hân	26/08/2006	C26LG1		6,0	Sau	
10	2410150021	Lê Bá Đăng	Khoa	18/12/2006	C26LG1		7,3	Bay, ba	
11	2410150023	Phạm Anh	Khôi	23/10/2006	C26LG1		7,3	Bay, ba	
12	2410150013	Võ Thị Kiều	Lam	20/11/2006	C26LG1		6,0	Sau	
13	2410150011	Phạm Thị Yến	Nhi	22/09/2006	C26LG1		6,3	Sau, ba	
14	2410150020	Lê Hữu	Nhật	19/10/2005	C26LG1		5,7	Nam, bay	
15	2410150024	Nguyễn Minh	Tấn	02/05/2006	C26LG1		6,7	Sau, bay	
16	2410150018	Nguyễn Ngọc	Thảo	27/10/2006	C26LG1		7,3	Bay, ba	
17	2410150009	Phạm Thị Thạch	Thảo	31/10/2006	C26LG1		6,7	Sau, ba	
18	2410010013	Ngô Thiên	Thuận	10/11/2006	C26LG1		6,3	Sau, ba	
19	2410150002	Lê Anh	Thư	19/01/2003	C26LG1		6,0	Sau	
20	2410150029	Trần Thị Thanh	Trúc	22/07/2005	C26LG1		6,3	Sau, ba	
21	2410150010	Nguyễn Đăng	Trường	12/10/2003	C26LG1		7,7	Bay, bay	
22	2410150025	Ông Thị Mỹ	Tú	25/10/2006	C26LG1		7,3	Bay, ba	
23	2410150006	Nguyễn Hồ Phương	Uyên	23/04/2006	C26LG1		7,0	Bay	
24	2410150017	Phạm Ngọc Đan	Vy	23/08/2006	C26LG1		7,7	Bay, bay	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 24 vắng thi: 0. Số bài thi: 24 / 24.

Ngày...11...tháng...2...năm...2018

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

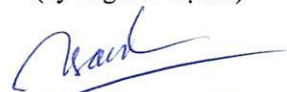
(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Hòa.

Ngày...10...tháng...2...năm...2018

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Hòa.



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

H3' LV Th1 N6

Môn học : Quản trị học - MH1104295

Mã lớp học phần: 24211MH110429501

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Hoa - (04014)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: A1.8.

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410100001	Nguyễn Đỗ Tuấn Anh	03/8/2003	C26QT1	<i>anh</i>	8,7	Tam, bay	
2	2410100015	Triệu Thị Huỳnh Anh	13/8/2006	C26QT1	<i>anh</i>	8,0	Tam	
3	2410100018	Trần Ngọc Ánh	16/07/2006	C26QT1	<i>anh</i>	8,2	Tam, hai	
4	2410100021	Nguyễn Thị Kim Cương	09/04/2006	C26QT1	<i>Cương</i>	7,8	Bay, tam	
5	2410100026	Lê Thanh Dương	22/12/2006	C26QT1	<i>Dương</i>	6,9	xeu, chín	
6	2410100004	Tạ Duy Đăng	16/10/2006	C26QT1	<i>Duy</i>	7,6	Bay, sáu	
7	2410100019	Nguyễn Thị Thúy Hằng	28/02/2006	C26QT1	<i>Thuy</i>	9,3	chín, ba	
8	2410100029	Lê Chí Hậu	05/11/2006	C26QT1	<i>Hau</i>	8,0	Tam	
9	2410100017	Nguyễn Đức Hậu	31/01/2006	C26QT1	<i>Hau</i>	8,1	Tam, một	
10	2410100025	Nguyễn Quốc Huy	10/06/2006	C26QT1	<i>Huy</i>	8,1	Tam, một	
11	2410100031	Nguyễn Bùi Tiêu Huyền	11/12/2006	C26QT1	<i>Huyen</i>	8,3	Tam, ba	
12	2410100012	Võ Thị Ngọc Huyền	11/12/2006	C26QT1	<i>Huyen</i>	8,0	Tam	
13	2410100003	Võ Nguyễn Ngọc Linh	07/09/2005	C26QT1	<i>Linh</i>	8,0	Tam	
14	2410100022	Kim Thị Thúy Ngân	18/05/2006	C26QT1	<i>Ngan</i>	8,2	Tam, hai	
15	2410100028	Nguyễn Thị Kim Ngân	25/01/2006	C26QT1	<i>Ngan</i>	8,0	Tam	
16	2410100032	Lý Minh Nguyên	04/06/2006	C26QT1	<i>Nguyen</i>	7,8	Bay, tam	
17	2410100020	Phạm Thị Ái Nhi	03/08/2006	C26QT1	<i>Nhi</i>	8,9	Tam, chín	
18	2410100023	Võ Thị Tuyết Nhi	06/03/2006	C26QT1				ML
19	2410100024	Phạm Kiều Nhung	06/09/2006	C26QT1	<i>Nhung</i>	7,5	Bay, năm	
20	2410100030	Trần Viết Phú	03/12/2004	C26QT1	<i>Phu</i>	7,0	Bay	
21	2410100008	Nguyễn Trần Ngọc Thi	23/06/2002	C26QT1	<i>Thi</i>	7,5	Bay, năm	
22	2410100016	Lê Thị Ngọc Thu	23/03/2006	C26QT1	<i>Thu</i>	7,5	Bay, năm	
23	2410100002	Phạm Trung Trục	04/07/2004	C26QT1	<i>Truc</i>	8,2	Tam, hai	
24	2410100010	Trần Thanh Trúc Xuân	11/10/2002	C26QT1	<i>Xuan</i>	8,2	Tam, hai	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 23 vắng thi: 01 . Số bài thi: 23 / 23 .Ngày: 07 tháng 1 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa.
Ngày: 06 tháng 1 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa.

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : _____ vắng thi: _____. Số bài thi: _____/_____.

Ngày.....tháng.....năm.....

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG
KHOA

B3 51 THH HA

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Quản trị học - MH1104295

Mã lớp học phần: 24211MH110429501

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Hoa - (04014)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: A1.8

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410100001	Nguyễn Đỗ Tuấn Anh	03/8/2003	C26QT1		7,7	Bảy, bảy	
2	2410100015	Triệu Thị Huỳnh Anh	13/8/2006	C26QT1		5,7	Năm, bảy	
3	2410100018	Trần Ngọc Ánh	16/07/2006	C26QT1		6,7	Sáu, bảy	
4	2410100021	Nguyễn Thị Kim Cương	09/04/2006	C26QT1		8,0	Tám	
5	2410100026	Lê Thanh Dương	22/12/2006	C26QT1		5,7	Năm, bảy	
6	2410100004	Tạ Duy Đăng	16/10/2006	C26QT1		7,7	Bảy, bảy	
7	2410100019	Nguyễn Thị Thúy Hằng	28/02/2006	C26QT1		7,7	Bảy, bảy	
8	2410100029	Lê Chí Hậu	05/11/2006	C26QT1		7,7	Bảy, bảy	
9	2410100017	Nguyễn Đức Hậu	31/01/2006	C26QT1		8,3	Tám, ba	
10	2410100025	Nguyễn Quốc Huy	10/06/2006	C26QT1		6,7	Sáu, bảy	
11	2410100031	Nguyễn Bùi Tiểu Huyền	11/12/2006	C26QT1		7,3	Bảy, ba	
12	2410100012	Võ Thị Ngọc Huyền	11/12/2006	C26QT1		6,7	Sáu, bảy	
13	2410100003	Võ Nguyễn Ngọc Linh	07/09/2005	C26QT1		7,0	Bảy	
14	2410100022	Kim Thị Thúy Ngân	18/05/2006	C26QT1		6,0	Sáu	
15	2410100028	Nguyễn Thị Kim Ngân	25/01/2006	C26QT1		6,3	Sáu, ba	
16	2410100032	Lý Minh Nguyên	04/06/2006	C26QT1		7,7	Bảy, bảy	
17	2410100020	Phạm Thị Ái Nhi	03/08/2006	C26QT1		7,0	Bảy	
18	2410100023	Võ Thị Tuyết Nhi	06/03/2006	C26QT1				
19	2410100024	Phạm Kiều Nhung	06/09/2006	C26QT1		6,3	Sáu, ba	
20	2410100030	Trần Viết Phú	03/12/2004	C26QT1		7,3	Bảy, ba	
21	2410100008	Nguyễn Trần Ngọc Thi	23/06/2002	C26QT1		5,7	Năm, bảy	
22	2410100016	Lê Thị Ngọc Thu	23/03/2006	C26QT1		7,7	Bảy, bảy	
23	2410100002	Phạm Trung Trục	04/07/2004	C26QT1		7,7	Bảy, bảy	
24	2410100010	Trần Thanh Trúc Xuân	11/10/2002	C26QT1		7,7	Bảy, bảy	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 23 vắng thi: 01 . Số bài thi: 23 / 23 .Ngày: 4 tháng 1 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày: 10 tháng 2 năm 2024

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : _____ vắng thi: _____. Số bài thi: _____ / _____.

Ngày.....tháng.....năm.....

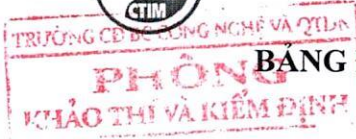
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Quản trị học - MH1104295

Mã lớp học phần: 24211MH110429501 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Hoa - (04014)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: A18

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410100050	Trần Đức Anh	23/01/2006	C26QT2				NL
2	2410100046	Võ Hoàng Bảo	29/11/2006	C26QT2	<u>Bao</u>	7,5	Bảy năm	
3	2410100042	Trần Thị Mỹ Diệu	07/01/2006	C26QT2	<u>Diệu</u>	7,8	Bảy tám	
4	2410100035	Nguyễn Thị Thùy Dương	16/02/2006	C26QT2	<u>Thùy</u>	7,3	Bảy ba	
5	2410100036	Đặng Trung Hiếu	22/12/2006	C26QT2	<u>Hiếu</u>	8,0	Tám	
6	2410100041	Tạ Nhật Huy	11/12/2005	C26QT2	<u>Huy</u>	7,9	Bảy chín	
7	2410100038	Chung Lê Quốc Hy	24/01/2006	C26QT2	<u>Hy</u>	8,0	Tám	
8	2410100039	Nguyễn Hoàng Kim	29/05/2006	C26QT2	<u>Kim</u>	8,4	Tám bốn	
9	2410100048	Trần Thị Hà Ny	13/12/2006	C26QT2	<u>Ny</u>	7,8	Bảy tám	
10	2410100033	Nguyễn Thị Hồng Phúc	21/03/2006	C26QT2	<u>Phúc</u>	7,5	Bảy năm	
11	2410100040	Nguyễn Thị Ngọc Phượng	20/04/2006	C26QT2	<u>Phượng</u>	7,3	Bảy ba	
12	2410100044	Nguyễn Thị Minh Thơ	18/05/2006	C26QT2	<u>Thơ</u>	7,5	Bảy năm	
13	2410100049	Lê Phước Trung	17/10/2002	C26QT2	<u>Trung</u>	7,8	Bảy tám	
14	2410100051	Lê Ngọc Tường Vi	06/07/2005	C26QT2				NL

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 13 vắng thi: 02 . Số bài thi: 13 / 13 .

Ngày: 07 tháng 01 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày: 07 tháng 01 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Quản trị học - MH1104295

Mã lớp học phần: 24211MH110429501

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Hoa - (04014)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: A1.8

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410100050	Trần Đức Anh	23/01/2006	C26QT2				NL
2	2410100046	Võ Hoàng Bảo	29/11/2006	C26QT2	Bao	7,3	Bảy, ba	
3	2410100042	Trần Thị Mỹ Diệu	07/01/2006	C26QT2	Diệu	8,0	Tám	
4	2410100035	Nguyễn Thị Thùy Dương	16/02/2006	C26QT2	Thùy	8,0	Tám	
5	2410100036	Đặng Trung Hiếu	22/12/2006	C26QT2	Hiếu	6,3	Sáu, ba	
6	2410100041	Tạ Nhật Huy	11/12/2005	C26QT2	Huy	7,7	Bảy, bảy	
7	2410100038	Chung Lê Quốc Hy	24/01/2006	C26QT2	Hy	5,3	Năm, ba	
8	2410100039	Nguyễn Hoàng Kim	29/05/2006	C26QT2	Kim	6,3	Sáu, ba	
9	2410100048	Trần Thị Hà Ny	13/12/2006	C26QT2	Ny	8,0	Tám	
10	2410100033	Nguyễn Thị Hồng Phúc	21/03/2006	C26QT2	Phúc	8,3	Tám, ba	
11	2410100040	Nguyễn Thị Ngọc Phượng	20/04/2006	C26QT2	Phượng	7,7	Bảy, bảy	
12	2410100044	Nguyễn Thị Minh Thơ	18/05/2006	C26QT2	Thơ	7,7	Bảy, bảy	
13	2410100049	Lê Phước Trung	17/10/2002	C26QT2	Trung	6,3	Sáu, ba	
14	2410100051	Lê Ngọc Tường Vi	06/07/2005	C26QT2				NL

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 12 vắng thi: 02 . Số bài thi: 12 / 12 .

Ngày 10 tháng 2 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

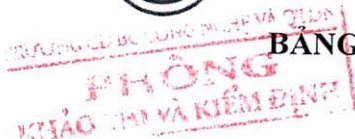
Nhanh
Trần Thị Hoa

Ngày 10 tháng 2 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nhanh
Trần Thị Hoa



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Quản trị học - MH1104295

Mã lớp học phần: 24211MH110429501 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Hoa - (04014)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: A1.8

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150030	Nguyễn Thanh	Khiêm	14/10/2006	C26LG1	<u>[Signature]</u>	6	sau'	
2	2410150003	Đỗ Bá	Luân	05/12/2004	C26LG1				ML
3	2410150019	Nguyễn Hữu	Trí	30/07/2006	C26LG1	<u>[Signature]</u>	6,5	sau' nữa	
4	2410150012	Trần Thanh	Tú	13/05/2006	C26LG1				ML

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 02 vắng thi: 02 . Số bài thi: 02 / 02 .

Ngày: 07 tháng 1 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Trần Thị Hoa

Ngày: 06 tháng 01 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Trần Thị Hoa



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Quản trị học - MH1104295

Mã lớp học phần: 24211MH110429501 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Hoa - (04014)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: A1.8

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150030	Nguyễn Thanh Khiêm	14/10/2006	C26LG1	<u>100</u>	6,3	sau, bu	
2	2410150003	Đỗ Bá Luân	05/12/2004	C26LG1	<u>V</u>			NL
3	2410150019	Nguyễn Hữu Trí	30/07/2006	C26LG1	<u>124</u>	6,7	sau, bag	
4	2410150012	Trần Thanh Tú	13/05/2006	C26LG1				NL

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 02 vắng thi: 02 . Số bài thi: 02 / 02 .

Ngày 11 tháng 02 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày 10 tháng 02 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Quản trị học - MH1104295

Mã lớp học phần: 24211MH110429501

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Hoa - (04014)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: A1.8

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150052	Lê Minh Đức		21/11/2006	C26QT2		7,0	Bảy	
2	2410100045	Trần Thị Hồng Gấm		01/01/2006	C26QT2		7,3	Bảy, ba	
3	2410100043	Nguyễn Tấn Thành		27/12/2006	C26QT2		7,4	Bảy, bốn	
4	2410100037	Nguyễn Minh Thiệu		03/10/2002	C26QT2				NL
5	2410100047	Lê Huỳnh Song Thư		16/08/2002	C26QT2				NL

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 03 vắng thi: 02 . Số bài thi: 03 / 03 .

Ngày 07 tháng 07 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày 07 tháng 07 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Quản trị học - MH1104295

Mã lớp học phần: 24211MH110429501

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Hoa - (04014)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: A1-8

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Đức	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150052	Lê Minh	Đức	21/11/2006	C26QT2		8,5	Tám, ba	
2	2410100045	Trần Thị Hồng	Gấm	01/01/2006	C26QT2		7,2	Bảy, hai	
3	2410100043	Nguyễn Tấn	Thành	27/12/2006	C26QT2		6,2	Sáu, hai	
4	2410100037	Nguyễn Minh	Thiệu	03/10/2002	C26QT2				ML
5	2410100047	Lê Huỳnh Song	Thư	16/08/2002	C26QT2				ML

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 03 vắng thi: 02 . Số bài thi: 03 / 03 .

Ngày 11 tháng 12 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày 10 tháng 12 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

h

Môn học : Quản trị học - MH1104295

Mã lớp học phần: 24211MH110429501

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Hoa - (04014)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: A1.8

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410100027	Nguyễn Văn Linh	28/07/2005	C26QT1				Sv/xuất thân
2	2410100007	Nguyễn Yến Thư	10/10/2006	C26QT1				Sv/xuất thân

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 0 vắng thi: 0 . Số bài thi: 1 / 1 .

Ngày: 07 tháng 11 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

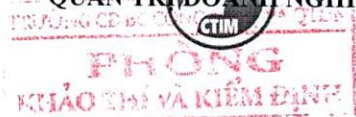
Trần Thị Hoa.

Ngày: 07 tháng 11 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa.



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Quản trị học - MH1104295

Mã lớp học phần: 24211MH110429501 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Hoa - (04014)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: A18

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410100027	Nguyễn Văn Linh	28/07/2005	C26QT1		6,0	sau!	Chưa hoàn thành
2	2410100007	Nguyễn Yến Thư	10/10/2006	C26QT1				OK

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 01 . Số bài thi: 01 / 01 .

Ngày 11 tháng 12 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa.

Ngày 10 tháng 12 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa.